

Số: **78** /2014/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **29** tháng **12** năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 1402
	Ngày: 31/12
	Chức vụ:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số: 3334/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau:

1. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô cho từng loại bến xe:

a) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô bến loại 1:

Đối với tuyến cố định: Đơn vị tính giá dịch vụ là đồng/chuyến-xe trên cơ sở số ghế thiết kế của xe; riêng xe giường nằm, ghế nằm tăng 13% so với xe ghế ngồi (ghế xe); như sau:

- | | |
|---|--------------------|
| - Tuyến nội tỉnh dưới 50km | : 1.200đồng/ghế xe |
| - Tuyến nội tỉnh từ 50km đến dưới 100km | : 2.000đồng/ghế xe |
| - Tuyến có cự ly từ 100 đến dưới 150km | : 2.500đồng/ghế xe |
| - Tuyến có cự ly từ 150 đến dưới 200km | : 3.000đồng/ghế xe |
| - Tuyến có cự ly từ 200 đến dưới 400km | : 4.000đồng/ghế xe |
| - Tuyến có cự ly từ 400 đến dưới 650km | : 5.000đồng/ghế xe |
| - Tuyến có cự ly từ 650 đến dưới 950km | : 6.000đồng/ghế xe |
| - Tuyến có cự ly từ 950 và quốc tế <850km | : 6.500đồng/ghế xe |

- Tuyến quốc tế trên 850km : 7.000đồng/ghế xe.
Đôi với xe buýt ra vào bến:

- Xe buýt có trợ giá : 10.000đồng/chuyến

- Xe buýt không trợ giá : 12.000đồng/chuyến

b) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô từ loại 2 đến loại 6:

- Bến xe loại 2: giá dịch vụ xe ra vào bến bằng 95% Bến xe loại 1

- Bến xe loại 3: giá dịch vụ xe ra, vào bến bằng 90% Bến xe loại 1

- Bến xe loại 4: giá dịch vụ xe ra vào bến bằng 85% Bến xe loại 1

- Bến xe loại 5: giá dịch vụ xe ra, vào bến bằng 80% Bến xe loại 1

- Bến xe loại 6: giá dịch vụ xe ra, vào bến bằng 75% Bến xe loại 1

2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô là mức giá tối đa, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và thu theo số ghế được ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của chủ phương tiện. Loại bến xe được quy định tại Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn Quốc gia về bến xe khách.

Điều 2. Giao Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Giao thông Vận tải; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Quản lý bến xe Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KTVB – Bộ Tư pháp;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Bộ GTVT;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Báo TT Huế, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TC, GT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao